

Số: 744 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 371/TTr-TNMT ngày 25/7/2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam), địa chỉ trụ sở chính tại lô B3, B4, B5 (Thuê nhà xưởng số 1, 1A của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc), KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Dự án công nghiệp Sinowin Vina” tại lô B3, B4, B5, KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án: Dự án công nghiệp Sinowin Vina.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam).

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô B3, B4, B5 (Thuê nhà xưởng số 1, 1A của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc), KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

#### 1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp 2400968617, do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 20/07/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 10/04/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 9833661558 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 19/7/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400968617.

#### 1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất các sản phẩm bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công nam châm vĩnh cửu; Sản xuất, gia công sản phẩm kim loại; Sản xuất, gia công khuôn mẫu chính xác.

- Đúc sắt, thép, chi tiết: Sản xuất, gia công khuôn kim loại.

- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Sản xuất thiết bị lắp ráp tự động.

#### 1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án thực hiện tại lô B3, B4, B5 (Thuê nhà xưởng số 1, 1A của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc), KCN Đình Trám, phường Nهن, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng 5.816,6 m<sup>2</sup>.

- Quy mô của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường<sup>1</sup>.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)<sup>2</sup>.

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất, gia công nam châm vĩnh cửu: 1.200.000.000 cái sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công sản phẩm kim loại: 800.000.000 cái sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công khuôn mẫu chính xác: 500.000 cái sản phẩm/năm;

+ Sản xuất, gia công khuôn kim loại: 1.000 cái sản phẩm/năm;

+ Sản xuất thiết bị lắp ráp tự động: 10 bộ sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

<sup>1</sup> theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

<sup>2</sup> quy định tại STT2, mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Dự án công nghiệp Sinowin Vina” tại lô B3, B4, B5 (Thuê nhà xưởng số 1, 1A của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc), KCN Đình Trám, phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 472/QĐ-TNMT ngày 26/6/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Nénh; Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang; Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH công nghiệp Sinowin (Việt Nam) (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 85 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (theo Biên bản thỏa thuận đấu nối nước thải ngày 18/3/2024 giữa Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc với Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam)), sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang (là chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên) xây dựng, quản lý và vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra môi trường (theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải số 55/2020/HĐKT/XLNTĐT ngày 07/7/2020 giữa Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang và Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ hoạt động của máy CNC, máy cắt, máy mài, công đoạn nấu liệu được định kỳ thay thế và Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 5 m<sup>3</sup>, sau đó tiếp tục được thu gom bằng mạng lưới đường ống uPVC D110 dài khoảng 213 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 85m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc.

+ Nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà xưởng sản xuất 1 được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 7 m<sup>3</sup>, sau đó tiếp tục được thu gom

bằng mạng lưới đường ống uPVC D110 dài khoảng 42 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 85m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Nước thải từ máy CNC: chủ dự án sử dụng nước làm mát có pha lẫn dầu, nước làm mát sẽ được tự động thu gom xuống đáy máy, tại đây, phần mạt kim loại có dính dầu lắng xuống dưới, được thu gom định kỳ 01 tuần/lần; nước là mát được tuần hoàn tái sử dụng, khoảng 03 tháng thay thế 01 lần, lượng nước sau khi thay thế sẽ được thu gom vào thùng chứa và chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

+ Nước thải từ công đoạn cắt, mài nam châm: Tại máy cắt, mài được bố trí sẵn các vị trí chứa nước thải, cặn dưới đáy máy. Nước thải từ công đoạn này có lẫn dầu cắt gọt được thu gom riêng biệt ở từng máy, sau đó lắng cặn và tuần hoàn nước để sản xuất. Đối với cặn lắng được thu gom định kỳ 01 tuần/lần; đối với nước thải phát sinh công đoạn cắt khoảng 02 tháng được thay thế 01 lần; đối với nước thải từ công đoạn mài khoảng 01 tháng được thay thế 01 lần. Toàn bộ lượng nước sau khi thay thế, cặn sẽ được thu gom vào thùng chứa và chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

+ Nước thải từ công đoạn nấu liệu: Toàn bộ lượng nước thải được để nguyên trong nồi liệu và tái sử dụng, khi có thất thoát, bay hơi sẽ được bổ sung. Nước thải tại công đoạn này có chứa cặn keo 502 tích tụ lâu, định kỳ thay thế nước và thu cặn keo 03 tháng/lần, lượng nước thải được thu gom vào thùng chứa và chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tóm tắt quy trình công nghệ đối hệ thống xử lý nước thải của Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc công suất 85 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải → Bể tự hoại → Bể thu gom, tách mỡ → Bể điều hòa 1 và 2 → Bể Anoxic → Bể MBBR 1 và 2 → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám, thị xã Việt Yên).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học.

- Công suất thiết kế: 85 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO là 20 lít/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải

Do Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 85 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Vì vậy, Công ty Cổ phần Sản xuất - thương mại xây dựng Phú Lộc có trách nhiệm phối hợp theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải này.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Dự án “Dự án công nghiệp Sinowin Vina” không có hệ thống xử lý nước thải. Do đó, dự án không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang để kiểm tra, xem xét giải quyết.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải: 04 nguồn**

- Nguồn số 1: Hơi hữu cơ từ quá trình gắn nguyên liệu bằng keo (17 vị trí);
- Nguồn số 2: Hơi nước phát sinh từ quá trình nấu liệu (01 vị trí);
- Nguồn số 3: Hơi hữu cơ từ quá trình vệ sinh bề mặt bằng Ethanol (17 vị trí);
- Nguồn số 4: Khí thải từ quá trình khắc Laser trong quy trình lắp ráp nam châm (05 vị trí).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:**

01 dòng khí thải tại 01 ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)*

- 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Tọa độ vị trí xả thải: X= 2351.068, Y= 409.300.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 192.000 m<sup>3</sup>/ngày (thời gian làm việc tối đa 24 giờ/ngày).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc (tối đa 24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B *(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ)*; QCVN 20:2009/BTNMT *(Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ)*; cụ thể như sau:



TT	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1.	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	-	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	
3.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	-	
4.	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
5.	Đồng và hợp chất tính theo Cu	mg/Nm <sup>3</sup>	10	-	
6.	Metylacrylat	mg/Nm <sup>3</sup>	-	35	
7.	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	
8.	1,3 Butadien	mg/Nm <sup>3</sup>	-	2.200	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh tại 17 vị trí từ quá trình gắn nguyên liệu bằng keo được thu gom bằng 17 chụp hút, đi vào đường ống nhánh PVC D60 tổng chiều dài 17m, qua đường ống nhựa PVC D110 chiều dài 17m, vào đường ống chính PVC D200 chiều dài 4m, qua đường ống PVC D500 dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh tại 01 vị trí từ quá trình nấu liệu được thu gom bằng 1 chụp hút, đi vào đường ống nhánh PVC D60 tổng chiều dài 1m, qua đường ống PVC D110 chiều dài 1m, vào đường ống chính PVC D200 chiều dài 4m, qua đường ống PVC D500 dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh tại 17 vị trí từ quá trình vệ sinh bề mặt bằng Ethanol được thu gom bằng 17 chụp hút, đi vào đường ống nhánh PVC D60 tổng chiều dài 17m, qua đường ống PVC D110 chiều dài 17m, vào đường ống chính PVC D200 và PVC D250 tổng chiều dài 12m, qua đường ống PVC D500 dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Khí thải phát sinh tại 05 vị trí từ quá trình khắc Laser được thu gom bằng 05 chụp hút, đi vào đường ống nhánh PVC D60 tổng chiều dài 5m, qua đường ống PVC D110 chiều dài 5m, vào đường ống chính PVC D300 chiều dài 4m, qua đường ống PVC D500 dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/giờ: Khí thải → Chụp hút → Hộp than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thoát khí thải ra môi trường (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 1, Kv = 1 và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế: 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính: 300 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

## 1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

### 1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Định kỳ (01 năm/lần), thuê đơn vị bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để đảm bảo xử lý khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

- Tiến hành các biện pháp làm thông thoáng nhà xưởng để tránh gây ảnh hưởng đến công nhân khi sự cố xảy ra.

### 1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức thông báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại dự án, đồng thời tạm dừng hoạt động sản xuất và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến bắt đầu từ tháng 9/2024 đến tháng 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải công suất 8.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải trước khi xả thải ra ngoài môi trường	Tần suất lấy mẫu khí thải là lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: - Lần 1: Ngày 04/11/2024 - Lần 2: Ngày 05/11/2024 - Lần 3: Ngày 06/11/2024	Lưu lượng, Metylacrylat, Toluen, 1,3 Butadien, Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , Đờng và hợp chất tính theo Cu	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B, Kp = 1, Kv = 1; QCVN 20:2009/ BTNMT

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, UBND thị xã Việt Yên, Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh:** 03 nguồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng 1;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tại nhà xưởng 1A;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực đặt máy nén khí.

**2. Vị trí phát sinh:** 03 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, vĩ tuyến 3<sup>0</sup>)

- Vị trí số 1: Tại khu vực nhà xưởng 1. Tọa độ: X=2351047, Y=409323;
- Vị trí số 2: Tại khu vực nhà xưởng 1A. Tọa độ: X=2351052; Y= 409345;
- Vị trí số 3: Tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ: X=2351052, Y=409352.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm độ giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng,...

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 24.270 kg/năm, bao gồm:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	25
2	Hộp mực in thải	Rắn	40
3	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	2000
4	Dầu máy tổng hợp thải	Lỏng	50
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	Rắn	75
6	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	80
7	Nước thải có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	21.000
8	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	870
9	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	130
<b>Tổng cộng</b>			<b>24.270</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên khoảng 5.592 kg/năm, bao gồm:

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình	
		kg/tháng	kg/năm
1	Bìa carton, giấy vụn	20	240

TT	Tên chất thải	Số lượng trung bình	
		kg/tháng	kg/năm
2	Găng tay, bảo hộ lao động không dính dầu mỡ, hoá chất	41	492
3	Bao bì mềm không dính thành phần nguy hại	25	300
4	Sản phẩm lỗi không dính thành phần nguy hại	100	1.200
5	Đầu mẫu kim loại, phoi thải không dính thành phần nguy hại	80	960
6	Gỗ, pallet gỗ thải	200	2.400
<b>Tổng cộng</b>		<b>466</b>	<b>5.592</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 107,5 kg/ngày, với thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn. Khối lượng bùn thải từ bể tự hoại phát sinh 0,9 kg/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

Bố trí khoảng 05 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại (CTNH) để thu gom, lưu chứa riêng từng loại CTNH, bên ngoài thùng chứa có dán mã, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định.

Đối với than hoạt tính phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom định kỳ 06 tháng/lần và được thực hiện cùng với quá trình xử lý chất thải nguy hại.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc tùy theo tình hình hoạt động thực tế).

#### **2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa**

- Kho chứa có diện tích khoảng 6m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố khi bục thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thủng, nứt vỡ. Bố trí các thiết bị phòng cháy, chữa cháy (như: bình xịt chữa cháy xách tay, bao chữa cháy,...) có cửa đóng mở khi ra vào và có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 10 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích khoảng 20 lít/thùng, đặt tại các vị trí khu vực xưởng sản xuất, cuối giờ làm việc chất thải được thu vào bao và lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường của dự án.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Kho chứa có diện tích khoảng 6m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: xây tường gạch, trần bê tông, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.
- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 03 tháng/lần hoặc tùy theo tình hình hoạt động thực tế).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí khoảng 10 thùng nhựa có nắp đậy với dung tích từ 20 - 100 lít/thùng, đặt tại khu nhà vệ sinh, nhà xưởng, nhà ăn, nhà bảo vệ....

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý theo quy định (tần suất hàng ngày hoặc có thể thay đổi tần suất cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế).

Đối với cặn bùn tại các bể tự hoại, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút bể phốt mang đi xử lý theo quy định (định kỳ 06 tháng/lần).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Kho chứa có diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>, tại khu vực gần nhà ăn.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: xây tường gạch, trần bê tông, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng tạm dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Tiếp tục hoạt động sản xuất trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.



## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

#### **Công ty TNHH Công nghiệp Sinowin (Việt Nam) có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 371/TTr-TNMT ngày 25/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.